



# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN BIẾN ĐỘNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Bích Ngọc\*, Hồ Việt Hoàng, Nguyễn Hữu Ngũ, Trần Thanh Đức

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt.** Bài báo này đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2015–2019 tại địa bàn nghiên cứu. Chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích tương quan và phân tích hồi quy trên phần mềm SPSS để xử lý số liệu. Diện tích đất nông nghiệp của huyện giảm 124,79 ha. Sự chuyển đổi đất nông nghiệp diễn ra ở tất cả các xã của huyện nhưng chủ yếu tập trung tại các xã Quảng Công, Quảng Ngạn, Quảng Lợi và Quảng An. Năm yếu tố chính ảnh hưởng đến biến động sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện, bao gồm: (i) Yếu tố xã hội, (ii) Cơ sở vật chất nông nghiệp, (iii) Khí hậu, (iv) Thu nhập từ nông nghiệp và (v) Chính sách trong nông nghiệp. Trong đó, *Thu nhập từ nông nghiệp* là yếu tố có tác động lớn nhất.

**Từ khóa:** cơ cấu sử dụng đất, Quảng Điền, đất nông nghiệp

## 1 Đặt vấn đề

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Không có đất thì không thể sản xuất, cũng không có sự tồn tại của con người và đất là vị trí đặc biệt quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp là một hoạt động từ lâu đời của loài người và hầu hết các nước trên thế giới đều phải xây dựng một nền kinh tế trên cơ sở phát triển ngành kinh tế nông nghiệp dựa vào khai thác tiềm năng của đất, lấy đó để phát triển các ngành khác. Vì vậy, cần phải bố trí cơ cấu và sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, tránh lãng phí và ảnh hưởng đến quỹ đất nông nghiệp [6].

Những nghiên cứu về biến động cơ cấu sử dụng đất của các nhà khoa học trên thế giới cũng như ở Việt Nam cho thấy các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội... đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích những động lực dẫn đến biến động cơ cấu sử dụng đất. Tuy nhiên, trong những điều kiện khác nhau và ở các vùng địa lý khác nhau thì ảnh hưởng của những nhân tố đến biến động cơ cấu sử dụng đất cũng hoàn toàn thay đổi [3, 4]. Việc xác định các yếu tố nào đang trực tiếp ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đó đến việc thay đổi cơ cấu sử dụng đất là hết sức cần thiết cho những địa phương phát triển dựa vào nông nghiệp [5]. Huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế là một huyện thuần nông, đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Quảng Điền có tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2019 là 8.086,36 ha [1]. Nông nghiệp huyện Quảng Điền

\* *Liên hệ:* [nguyenbichngoc@huaf.edu.vn](mailto:nguyenbichngoc@huaf.edu.vn)

trong những năm gần đây đang có nhiều chuyển biến tích cực và đạt những kết quả nhất định. Trong đó, diện tích trồng lúa là 4503,47 ha, có năng suất đạt 63,1 tạ/ha, tăng 9,2 tạ/ha so với năm 2015. Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày là 600,3 ha, trong đó diện tích lạc là 507,4 ha, diện tích cây thực phẩm là 881,3 ha và diện tích trồng hoa là 23,7 ha [1]. Vì vậy, các yếu tố tác động đến cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp đang là một vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa trong việc phát triển kinh tế – xã hội của huyện trong thời gian tới.

## 2 Phương pháp

### Thu thập số liệu thứ cấp

Các thông tin thứ cấp được thu thập dưới dạng các số liệu, tài liệu, bản đồ từ các ban ngành có liên quan trên địa bàn huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế như Phòng Tài Nguyên Môi trường huyện Quảng Điền, Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Quảng Điền và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn nghiên cứu.

### Thu thập số liệu sơ cấp

Với việc tham vấn ý kiến từ 18 cán bộ công chức phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai và Nông nghiệp tại huyện Quảng Điền, chúng tôi đã xác định được năm nhóm yếu tố ảnh hưởng chính đến việc thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp tại địa phương, bao gồm: (i) Yếu tố xã hội; (ii) Cơ sở vật chất nông nghiệp; (iii) Khí hậu; (iv) Thu nhập từ nông nghiệp; (v) Chính sách trong nông nghiệp. Ngoài ra, việc xếp hạng mức độ quan trọng của các biến thành phần đóng góp trong mỗi nhóm yếu tố cũng được thực hiện dựa trên mức độ hiểu biết về địa bàn của các cán bộ này nhằm phục vụ cho việc đánh giá về sau đối với nông hộ.

Chúng tôi còn tiến hành phỏng vấn các hộ sinh sống ở địa phương có hoạt động sản xuất nông nghiệp và có sự chuyển đổi đất nông nghiệp trong giai đoạn 2015–2019 thông qua phiếu khảo sát được xây dựng lại dựa trên kết quả đánh giá của cán bộ công chức. Cách thức xác định cỡ mẫu xác định theo công thức tính mẫu Slovin:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

trong đó  $n$  là số hộ cần phỏng vấn;  $N$  là tổng số hộ;  $e$  là sai số tiêu chuẩn cho phép. Với tổng số hộ là 601 và sai số tiêu chuẩn là 10% thì cỡ mẫu tối thiểu là 149.

Chúng tôi sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo các xã với cơ cấu trình bày ở Bảng 1.

**Bảng 1.** Phân bố cỡ mẫu điều tra trong nghiên cứu

Vùng điều tra	Xã	Cỡ mẫu điều tra (Số phiếu mỗi xã)
<b>Vùng phía Nam</b> (Vùng đồng bằng)	1. Thị trấn Sịa	11
	2. Quảng Phước	18
	3. Quảng An	11
	4. Quảng Thành	13
	5. Quảng Phú	15
	6. Quảng Thọ	16
	7. Quảng Vinh	13
<b>Vùng Tây Bắc</b> (Vùng cát nội địa)	8. Quảng Thái	13
	9. Quảng Lợi	12
<b>Vùng phía Bắc</b> (Vùng cát biển, đầm phá)	10. Quảng Công	12
	11. Quảng Ngạn	15

### Phân tích số liệu

Thống kê mô tả: Phương pháp này được sử dụng để mô tả những số liệu đã thu thập để cung cấp những tóm tắt đơn giản về kết quả thu thập.

So sánh: Phương pháp này được sử dụng để so sánh kết quả thu thập được giữa năm này và năm khác, giữa xã này và xã khác.

Phân tích tương quan: Phương pháp này được sử dụng để xác định mối liên hệ giữa việc chuyển đổi đất nông nghiệp và các yếu tố khác (*Xã hội, Cơ sở vật chất nông nghiệp, Chính sách nông nghiệp, Khí hậu và Thu nhập từ nông nghiệp*). Hệ số tương quan ( $r$ ) có giá trị từ  $-1$  đến  $1$ . Nếu hệ số tương quan bằng  $0$  (hay gần  $0$ ) thì hai biến số không có liên hệ gì với nhau; ngược lại nếu hệ số bằng  $-1$  hay  $1$  thì hai biến số có một mối liên hệ tuyệt đối. Nếu giá trị của hệ số tương quan là âm ( $r < 0$ ) có nghĩa là khi  $x$  tăng thì  $y$  giảm (và ngược lại, khi  $x$  giảm thì  $y$  tăng); nếu giá trị hệ số tương quan là dương ( $r > 0$ ) có nghĩa là khi  $x$  tăng thì  $y$  cũng tăng. Chúng tôi sử dụng hệ số tương quan Pearson, được định nghĩa như sau:

$$r = \frac{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})(y_i - \bar{y})}{\sqrt{\sum_{i=1}^n (x_i - \bar{x})^2 \sum_{i=1}^n (y_i - \bar{y})^2}}$$

Nếu  $|r|$  càng gần  $1$  thì mối liên hệ càng chặt chẽ (cường độ mối liên hệ);  $|r| \geq 0,9$ : Mối liên hệ rất chặt chẽ;  $0,71 \leq |r| \leq 0,90$ : Mối liên hệ tương đối chặt chẽ;  $0,51 \leq |r| \leq 0,70$ : Mối liên hệ bình thường (trong dự đoán thường không sử dụng  $r$  này đối với tiêu thức số lượng nhưng với tiêu thức thuộc tính thì vẫn sử dụng);  $|r| \leq 0,5$ : Mối liên hệ hết sức lỏng lẻo.

Phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Phương pháp này được sử dụng để xây dựng mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu sử dụng đất. Dựa vào mô hình có thể đánh

giá được mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến việc thay đổi sử dụng đất của địa phương trong thời gian nghiên cứu.

Mô hình hồi quy tổng quát có dạng

$$Y = B_0 + B_1 \times X_1 + B_2 \times X_2 + B_3 \times X_3 + \dots + B_i \times X_i + e$$

trong đó  $Y$  là biến phụ thuộc;  $X_i$  là biến độc lập thứ  $i$ ;  $B_i$  là hệ số hồi quy riêng của từng biến độc lập;  $e$  là một biến độc lập ngẫu nhiên có phân phối chuẩn với trung bình là 0 và phương sai không đổi.

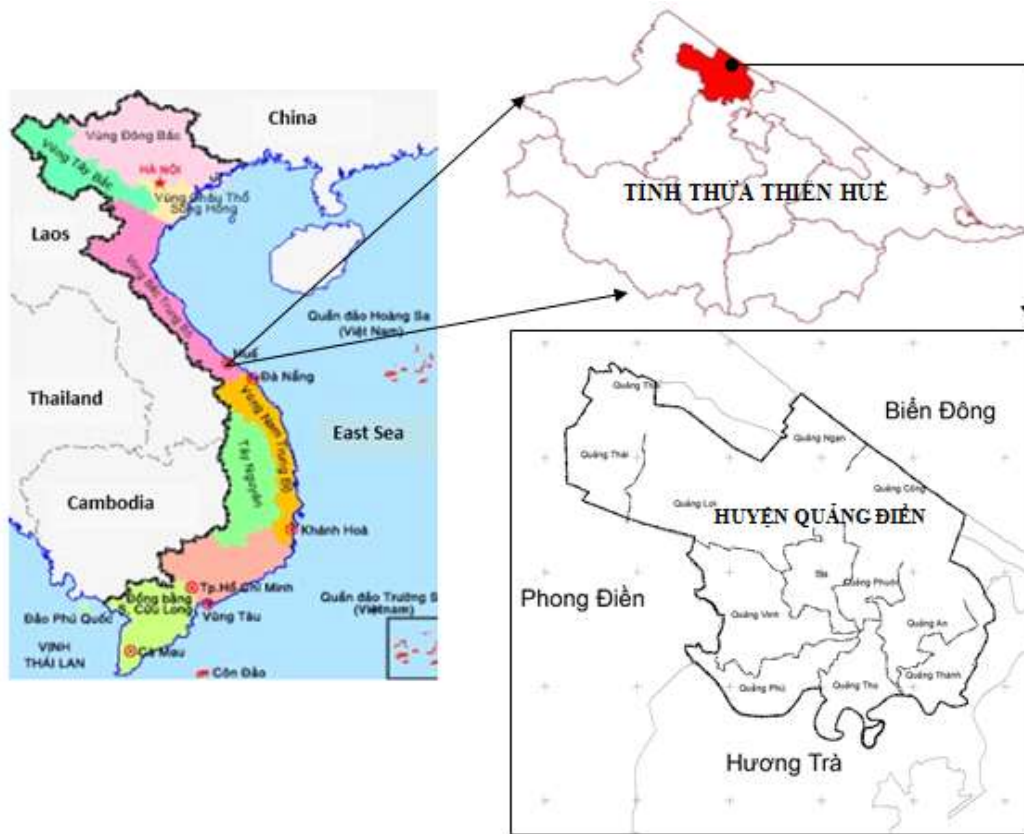
### 3 Kết quả và thảo luận

#### 3.1 Giới thiệu về khu vực nghiên cứu

Quảng Điền là một huyện đồng bằng chiêm trũng ven biển nằm về phía Đông Bắc của tỉnh Thừa Thiên Huế, được giới hạn trong tọa độ địa lý:  $16^{\circ}40'13''$  vĩ độ Bắc và  $107^{\circ}21'58''$  kinh độ Đông. Phía Tây và Tây Bắc giáp huyện Phong Điền, phía Đông và Nam giáp thị xã Hương Trà, phía Bắc và Đông Bắc giáp biển Đông (Hình 1).

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 16.288,73 ha gồm 10 xã và 1 thị trấn, chiếm 3,24% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Thừa Thiên Huế. Về mặt địa hình, Quảng Điền là một huyện đồng bằng không có núi đồi, địa hình tương đối bằng phẳng. Đặc điểm địa hình tự nhiên của huyện có thể chia thành 3 vùng rõ rệt, bao gồm: Vùng phía Bắc phá Tam Giang, Vùng phía Tây Bắc huyện và Vùng đồng bằng phía Nam.

Quảng Điền nằm ven theo hạ lưu sông Bồ, có đất đai màu mỡ, là vùng trọng điểm lúa của tỉnh Thừa Thiên Huế. Với bờ biển dài 11 km và vùng đầm phá rộng lớn với diện tích mặt nước 2.292 ha, Quảng Điền có tiềm năng về đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Phần lớn diện tích huyện Quảng Điền thuộc địa bàn thấp trũng, cản trở không nhỏ đến việc tổ chức sản xuất và sinh sống của dân cư trong vùng. Quảng Điền cũng thuộc diện nằm trong khu vực có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, ảnh hưởng nhiều đến quá trình phát triển ngành nông nghiệp cũng như đời sống sinh hoạt của người dân.



Hình 1. Sơ đồ vị trí huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

### 3.2 Thực trạng sử dụng và biến động cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Quảng Điền giai đoạn 2015–2019

Tổng diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện năm 2019 là 8.086,36 ha; giảm 124,79 ha so với 2015. Đất nông nghiệp được chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp để phát triển cơ sở hạ tầng (nhà ở, công trình sự nghiệp, giáo dục, y tế, các cơ sở tôn giáo, nghĩa trang, nghĩa địa...) nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc sống. Phần diện tích đất nông nghiệp còn lại đã được quy hoạch thành các cánh đồng mẫu lớn, các nông trang để áp dụng các biện pháp canh tác chủ động, sản xuất cây trái vụ và các loại rau xanh, thực phẩm quanh năm, nhờ đó làm tăng giá trị lợi tức trên một đơn vị diện tích, giảm được chi phí sản xuất, giảm được ngày công lao động, giải phóng được sự nhọc nhằn cho người dân nên hầu hết diện tích đất đã được sử dụng một cách tiết kiệm, triệt để và có hiệu quả cao. Biến động một số loại đất nông nghiệp chính tại huyện Quảng Điền được trình bày ở Bảng 2.

**Bảng 2.** Hiện trạng và biến động cơ cấu sử dụng đất tại huyện Quảng Điền giai đoạn 2015–2019

Loại đất	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2019 (ha)	Biến động (ha)
Đất nông nghiệp	8.211,15	8.086,36	-124,79
Đất trồng lúa	4.500,26	4.503,47	+3,21
Đất trồng cây hàng năm khác	1.069,62	930,02	-139,60
Đất trồng cây lâu năm	16,39	95,35	+78,96
Đất rừng sản xuất	1.118,64	971,16	-147,48
Đất rừng phòng hộ	180,35	141,82	-38,53
Đất nuôi trồng thủy sản	912,46	926,78	+14,32

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quảng Điền

Qua Bảng 2 có thể thấy, trong giai đoạn 2015–2019, đất trồng cây hàng năm có diện tích giảm khá nhiều so với các loại hình còn lại (139,60 ha). Đất rừng sản xuất và đất rừng phòng hộ trên địa bàn cũng được chuyển đổi qua các loại hình sử dụng đất khác với diện tích là 147,48 và 38,53 ha. Các loại hình sử dụng đất nông nghiệp khác có diện tích giảm nhưng không đáng kể.

### 3.3 Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến biến động sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Quảng Điền giai đoạn 2015–2019

#### *Thông tin chung về đối tượng khảo sát*

Chúng tôi tiến hành khảo sát 149 nông hộ có diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi sang các loại hình sử dụng đất khác trong giai đoạn 2015–2019. Dưới đây là một số đặc điểm của các đối tượng khảo sát (Bảng 3).

**Độ tuổi:** Phần lớn các chủ hộ có độ tuổi từ 45 đến 60. Độ tuổi trên 60 cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể (35,6%), còn số chủ hộ dưới 45 tuổi chiếm một lượng nhỏ (14,1%).

**Giới tính:** Chủ hộ nam chiếm ưu thế (81,9/18,1%). Điều này có thể hiểu được khi ở khu vực nông thôn, nam giới được xem là trụ cột và đóng vai trò quyết định chính trong gia đình.

**Số năm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ:** Đa số chủ hộ được phỏng vấn có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp chủ yếu trên 15 năm (91,3%). Điều này hết sức quan trọng và ảnh hưởng đến chất lượng của kết quả nghiên cứu.

Trình độ học vấn của chủ hộ: Có thể thấy trình độ học vấn của các chủ nông hộ còn khá hạn chế khi bậc trình độ cao nhất chỉ là cao đẳng (một người, 0,7%). Trong khi đó, bậc tiểu học chiếm nhiều nhất (50,3%) và bậc THCS chiếm 45,6%. Điều này khá phổ biến ở nông thôn khu vực miền trung nói riêng và cả nước nói chung.

Loại hộ: Việc phân chia loại hộ trong nghiên cứu dựa trên các tiêu chí tại quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016–2020 [2]. Theo các tiêu chí được đưa ra, số hộ được xếp vào loại trung bình chiếm phần lớn trong tổng số các nông hộ được phỏng vấn với 94,0%. Chỉ 2,7% tổng số hộ là được xếp vào loại nghèo và 1,3% tổng số hộ được xếp vào loại cận nghèo. Điều này cho thấy cuộc sống của các nông hộ trên địa bàn nghiên cứu là khá ổn định.

**Bảng 3.** Đặc điểm đối tượng khảo sát

STT	Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Độ tuổi chủ hộ	Từ 30 đến 45 tuổi	21	14,1
		Từ 45 đến 60 tuổi	75	50,3
		Trên 60 tuổi	53	35,6
2	Giới tính chủ hộ	Nam	122	81,9
		Nữ	27	18,1
3	Số năm tham gia sản xuất nông nghiệp của chủ hộ	Dưới 5 năm	1	0,7
		Từ 5 đến dưới 10 năm	3	2,0
		Từ 10 đến 15 năm	9	6,0
		Trên 15 năm	136	91,3
4	Trình độ học vấn của chủ hộ	Tiểu học	75	50,3
		THCS	68	45,6
		THPT	5	3,4
		Cao đẳng	1	0,7
5	Loại hộ	Nghèo	4	2,7
		Cận nghèo	2	1,3
		Trung bình	140	94,0
		Trên mức trung bình	3	2,0
<b>Tổng cộng</b>			149	100,0

Nguồn: Kết quả tổng hợp số liệu điều tra, 2019

*Đánh giá của người dân về các yếu tố ảnh hưởng đến biến động cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp*

Qua kết quả tham vấn cán bộ công chức và phỏng vấn trực tiếp các đại diện các nông hộ trên địa bàn huyện, chúng tôi đã tiến hành xếp hạng mức độ ảnh hưởng theo thang đo Likert và đưa ra kỳ vọng chiều hướng ảnh hưởng của từng yếu tố đến quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nghiệp trên địa bàn huyện Quảng Điền (Bảng 4).

**Bảng 4.** Mã hóa các biến độc lập

STT	Yếu tố	Loại biến	Giải thích	Kỳ vọng chiều hướng tác động (+/-)
1	Thu nhập từ nông nghiệp	Biến giả	Mức 1: Giảm đi rất nhiều (3,6–3,04 triệu đồng) Mức 2: Giảm đi nhiều (3,03–2,48 triệu đồng) Mức 3: Bình thường (2,47–1,92 triệu đồng) Mức 4: Giảm đi ít (1,91–1,36 triệu đồng) Mức 5: Giảm đi rất ít (1,36–0,8 triệu đồng)	-
2	Xã hội	Biến giả	Mức 1: Xấu đi nhiều (23–32,2) Mức 2: Xấu đi ít (32,3–41,4) Mức 3: Bình thường (41,5–50,6) Mức 4: Tốt lên (50,7–59,8) Mức 5: Tốt lên nhiều (59,9–69)	+
3	Cơ sở vật chất	Biến giả	Mức 1: Xấu đi nhiều (30–42) Mức 2: Xấu đi ít (43–54) Mức 3: Bình thường (55–66) Mức 4: Tốt lên (67–78) Mức 5: Tốt lên nhiều (79–90)	+
4	Chính sách nông nghiệp	Biến giả	Mức 1: Rất không tốt (24–33,6) Mức 2: Không tốt (33,7–43,2) Mức 3: Bình thường (43,3–52,8) Mức 4: Tốt (52,9–62,4) Mức 5: Rất tốt (62,5–72)	-
5	Khí hậu	Biến giả	Mức 1: Diễn ra rất ít (12–16,8) Mức 2: Diễn ra ít (16,9–21,6) Mức 3: trung bình (21,7–26,4) Mức 4: Diễn ra nhiều (26,5–31,2) Mức 5: Diễn ra rất nhiều (31,3–36)	+

Nguồn: Kết quả tổng hợp số liệu điều tra, 2019



Bảng 5 cho thấy yếu tố *Xã hội* (4,24) và *Cơ sở vật chất* (4,48) tốt lên nhiều trong thời gian vừa qua. Bên cạnh đó, yếu tố chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp tại địa phương cũng được đánh giá là rất tốt (4,50) và yếu tố thu nhập từ nông nghiệp của các nông hộ trong thời gian qua tuy giảm nhưng không đáng kể. Cuối cùng là yếu tố khí hậu, kết quả khảo sát cho thấy các hiện tượng hạn hán và lũ lụt diễn ra với tần suất cao trong giai đoạn nghiên cứu.

**Bảng 5.** Kết quả đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi đất nông nghiệp tại huyện Quảng Điền

STT	Yếu tố	Mức độ (%)					Giá trị trung bình
		1	2	3	4	5	
1	Thu nhập từ nông nghiệp						
	– Số lượng	–	–	1	35	113	4,75
	– Cơ cấu (%)	–	–	0,7	23,5	75,8	
2	Xã hội						
	– Số lượng	–		28	57	64	4,24
	– Cơ cấu (%)	–		18,8	38,3	43,0	
3	Cơ sở vật chất						
	– Số lượng	–	–	3	18	128	4,84
	– Cơ cấu (%)	–	–	2,0	12,1	85,9	
4	Chính sách						
	– Số lượng	–	–	4	67	78	4,50
	– Cơ cấu (%)	–	–	2,7	45,0	52,3	
5	Khí hậu						
	– Số lượng	–	7	42	66	34	3,85
	– Cơ cấu (%)	–	4,7	28,2	44,3	22,8	

Nguồn: Kết quả tổng hợp số liệu điều tra, 2019

*Phân tích tương quan các yếu tố ảnh hưởng đến biến động cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp*

Kết quả phân tích tương quan ở Bảng 6 cho thấy giá trị Sig. đều nhỏ hơn mức ý nghĩa 0,1. Do đó, có thể kết luận là có sự tương quan giữa biến *Chuyển đổi đất nông nghiệp* với năm yếu tố khảo sát. Trong đó, các yếu tố *Xã hội*, *Cơ sở vật chất* và *Khí hậu* có tương quan thuận chiều với mức độ liên hệ bình thường với biến *Chuyển đổi đất nông nghiệp* với hệ số tương quan lần lượt là 0,542, 0,354 và 0,538. Tiếp đến là yếu tố *Chính sách nông nghiệp* và yếu tố *Thu nhập từ nông nghiệp* có mối tương quan nghịch ở mức độ liên hệ hết sức lỏng lẻo. *Thu nhập từ nông nghiệp* có hệ số tương quan là -0,332. Cuối cùng, *Chính sách nông nghiệp* là yếu tố có tương quan yếu nhất ( $r = -0,133$ ).

*Phân tích hồi quy đa biến trong xác định các yếu tố ảnh hưởng đến biến động cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp*

Để thấy được mức độ ảnh hưởng năm yếu tố đến việc chuyển đổi đất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu, chúng tôi tiến hành xây dựng mô hình

$$Y = \beta_0 + \beta_1 \times X_1 + \beta_2 \times X_2 + \beta_3 \times X_3 + \beta_4 \times X_4 + \beta_5 \times X_5$$

trong đó  $Y$  là biến *Chuyển đổi đất nông nghiệp*;  $X_1$  là biến *Xã hội*;  $X_2$  là biến *Cơ sở vật chất*;  $X_3$  là biến *Chính sách nông nghiệp*;  $X_4$  là biến *Khí hậu*;  $X_5$  là biến *Thu nhập từ nông nghiệp*.

Kết quả chạy tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy được trình bày ở Bảng 7. Với mức ý nghĩa Sig. của kiểm định ANOVA ( $<0,01$ ), có thể kết luận rằng mô hình hồi quy luôn luôn tồn tại với mức độ tin cậy 95%. Hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh đạt giá trị 0,664; điều này có nghĩa là 66,4% sự thay đổi đất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu là do tác động của các biến độc lập trong mô hình, còn lại 33,6% là do các nhân tố khác ngoài mô hình. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế. Ngoài ra, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến độc lập đều nhỏ hơn 10 và mô hình hồi quy không có hiện tượng đa cộng tuyến.

**Bảng 6.** Kết quả phân tích tương quan

Thông số thống kê	Yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi đất nông nghiệp				
	Xã hội	Cơ sở vật chất nông nghiệp	Chính sách nông nghiệp	Khí hậu	Thu nhập từ nông nghiệp
Hệ số tương quan ( $r$ )	0,542	0,354	-0,133	0,538	-0,332
Sig.	0,000	0,000	0,050	0,000	0,000

Nguồn: Kết quả tổng hợp số liệu điều tra, 2019

**Bảng 7.** Kết quả phân tích hồi quy

STT	Yếu tố	Hệ số hồi quy ( $\beta$ )	Sig.	VIF
1	(Hằng số)	0,768	0,068	
2	Thu nhập từ nông nghiệp	-0,534	0,000	1,103
3	Khí hậu	0,271	0,000	1,041
4	Xã hội	0,180	0,000	1,377
5	Cơ sở vật chất nông nghiệp	0,302	0,000	1,041
6	Chính sách nông nghiệp	-0,108	0,050	1,420
		<i>Sig</i> <sub>ANOVA</sub> = <b>0,000</b>		
		<i>R</i> <sup>2</sup> <sub>hiệu chỉnh</sub> = <b>0,664</b>		

Nguồn: Kết quả tổng hợp số liệu điều tra, 2019

Giá trị Sig. của các hệ số hồi quy đều thấp hơn hoặc bằng 0,05. Do đó, các biến phụ thuộc đều được đưa vào mô hình. Chỉ có giá trị hằng số có giá trị Sig. > 0,05 nên bị loại ra khỏi mô hình. Như vậy, mô hình nghiên cứu được viết lại như sau:

$$Y = 0,180 \times X_1 + 0,302 \times X_2 - 0,108 \times X_3 + 0,271 \times X_4 - 0,534 \times X_5$$

Tóm lại, có thể thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc chuyển đổi đất nông nghiệp được sắp xếp theo thứ tự từ mạnh nhất đến yếu nhất như sau: (1) *Thu nhập từ nông nghiệp*; (2) *Cơ sở vật chất nông nghiệp*; (3) *Khí hậu*; (4) *Xã hội*; (5) *Chính sách nông nghiệp*.

#### 4 Kết luận

Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp là yêu cầu có tính khách quan bắt nguồn từ những cơ sở mang tính nội tại của ngành nông nghiệp và yêu cầu mở rộng các ngành kinh tế xã hội. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất tạo nên sức sản xuất mới, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Trong giai đoạn 2015–2019, diện tích nông nghiệp của huyện giảm 124,79 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp của các xã Quảng Công, Quảng Lợi, Quảng Ngạn, và Quảng An có sự biến động nhiều nhất. Qua điều tra khảo sát phân tích số liệu sơ cấp, chúng tôi xác định được năm yếu tố tác động chính đến chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp trên địa bàn gồm: *Khí hậu*, *Chính sách nông nghiệp*, *Thu nhập từ nông nghiệp*, *Xã hội* và *Cơ sở vật chất*. Yếu tố *Thu nhập từ nông nghiệp* có mức độ tác động lớn nhất đến việc chuyển đổi. Trong khi các yếu tố *Xã hội*, *Cơ sở vật chất nông nghiệp* và *Khí hậu* thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp thì *Thu nhập từ nông nghiệp* và *Chính sách nông nghiệp* lại hạn chế quá trình chuyển đổi này.

### Tài liệu tham khảo

1. Chi cục thống kê huyện Quảng Điền (2019), *Niên giám thống kê huyện Quảng Điền*, Thừa Thiên Huế.
2. Chính phủ (2015), *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016–2020*, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hải, Huỳnh Văn Chương, Hồ Kiệt, Trần Văn Nguyễn (2014), Nghiên cứu việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy giai đoạn 2007–2012, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Chuyên san khoa học Nông nghiệp, Sinh học và Y Dược*, 94(6).
4. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2014), *Nghiên cứu tác động của quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đến phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên*, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
5. Hồ Việt Hoàng (2016), Nghiên cứu tái cơ cấu sử dụng đất tại thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 16, 32–38.
6. Võ Quang Minh, Lê Văn Khoa (2012), *Giáo trình quản lý khai thác tài nguyên đất đai*, Trường Đại học Cần Thơ.

## FACTORS AFFECTING FLUCTUATION OF AGRICULTURAL LAND USE STRUCTURE IN QUANG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Bich Ngoc\*, Ho Viet Hoang, Nguyen Huu Ngu, Tran Thanh Duc

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Viet Nam

**Abstract.** This article evaluates the status of agricultural land use between 2015 and 2019 at the research site. We perform descriptive statistics, correlation analysis, and regression analysis on the SPSS software. The agricultural land area of the district decreases by 124.79 ha. The conversion of agricultural land occurs in all communes of the district, particularly in the following communes: Quang Cong, Quang Ngan, Quang Loi, and Quang An. Five main factors affecting the fluctuation of agricultural land use structure in the district are (i) Social factor, (ii) Agricultural facilities, (iii) Climate, (iv) Agricultural income, and (v) Agricultural policy. In particular, Agricultural income has the most significant impact.

**Keywords:** agricultural land, land use structure, Quang Dien